

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH VŨ MINH

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRONG BỐI CẢNH MỚI**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ**

Mã số: 9310110

HÀ NỘI - 2026

**Công trình đã được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Chủ tịch Hội đồng đánh giá
luận án tiến sĩ cấp Học viện:**



PGS.TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Người hướng dẫn khoa học:



1. PGS.TS. BÙI VĂN HUYỀN



2. TS. THÁI THỊ HỒNG MINH

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Thu Thủy
Trường Đại học Thương mại

Phản biện 2: PGS. TS. Đinh Hồng Linh
*Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh
doanh, Đại học Thái Nguyên*

Phản biện 3: PGS. TS. Đinh Thị Nga
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào hồi 17 giờ 00, ngày 15 tháng 01 năm 2026**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy, nhờ sở hữu tư nhân, tinh thần kinh doanh, tính linh hoạt và khả năng thích ứng cũng như tiềm năng đối phó với những thách thức và môi trường thay đổi, DNNVV đóng vai trò quan trọng đối với TTKT, tạo việc làm, đóng góp cho xuất khẩu, xóa đói giảm nghèo và tạo điều kiện phân phối thu nhập một cách công bằng (Saeed Hashi, 2017) [146]; hạt nhân của hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu PTBV, ứng phó với BĐKH (Toran Lal Verma, 2020) [156]. Tuy nhiên, những yếu tố về vốn, công nghệ, năng lực quản trị, và rủi ro gắn với mức độ số hóa và kết nối dữ liệu toàn cầu càng làm DNNVV đối mặt với nguy cơ tụt hậu so với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI, thậm chí phá sản nếu không được sự hỗ trợ từ phía Nhà nước để thực hiện các cuộc chuyển đổi đòi hỏi vốn cao, công nghệ hiện đại như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Bối cảnh mới đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi phải bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận về hỗ trợ DNNVV gắn với số hóa, phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, sau gần 40 năm Đổi mới, khu vực KTTN ngày càng khẳng định vai trò to lớn đối với nền kinh tế với hơn 940 nghìn doanh nghiệp và hơn 5 triệu hộ kinh doanh đang hoạt động (trong đó khoảng 98% là DNNVV). KTTN đóng góp khoảng 50% GDP, hơn 30% tổng thu NSNN và sử dụng khoảng 82% tổng số lao động [8], tạo ra hơn 40 triệu việc làm, đóng góp gần 60% vốn đầu tư toàn xã hội [73]. Mặc dù đã có nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm hỗ trợ DNNVV đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo được ban hành và triển khai mạnh mẽ song vẫn luôn tồn tại một khoảng cách khá xa từ chính sách đến thực tiễn, giữa nhu cầu với khả năng đáp ứng nguồn lực.

Là địa bàn phát triển năng động bậc nhất của cả nước, Hà Nội có số lượng DN chiếm khoảng 23% tổng số DN đang hoạt động trên phạm vi

quốc gia. Trong đó, DNNVV chiếm 98,2% tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập, tạo việc làm cho 55,1% lao động, đóng góp trên 40% GRDP cho thành phố [22]. Bên cạnh việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, Hà Nội cũng ban hành các chính sách hỗ trợ DNNVV phù hợp với đặc điểm của các DNNVV trên địa bàn như Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 quy định nội dung, mức chi đặc thù cho các DNNVV; Quyết định 5742/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 về phê duyệt Đề án Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025... Tuy nhiên, quá trình hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố vẫn còn nhiều hạn chế, các chương trình hỗ trợ chỉ đạt dưới 1% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn, nội dung hỗ trợ còn giản đơn, giải pháp hỗ trợ còn triển khai chậm, chưa theo kịp với định hướng phát triển số, xanh của Thành phố.

Trong thời gian tới, Hà Nội định hướng trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, kinh tế số và dịch vụ chất lượng cao, đô thị xanh, bền vững tăng tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trên 30% GDP, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao NSLĐ, phấn đấu có thêm 200 nghìn DN đăng ký thành lập, tỷ lệ doanh nghiệp ĐMST đạt trên 50%, giải quyết việc làm cho 167.000 lao động...” [8] thì việc hỗ trợ DNNVV đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là nhiệm vụ chiến lược và cấp thiết, không chỉ vì sự tồn tại của chính các DNNVV mà còn là con đường duy nhất để Hà Nội nắm bắt cơ hội bứt phá.

Với những lý do trên, đề tài *“Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới”* có ý nghĩa thiết thực cả trên hai phương diện lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận và thực tiễn về hỗ trợ DNNVV, luận án hướng đến đề xuất phương hướng, giải pháp và các kiến nghị nhằm tăng cường hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Bổ sung bối cảnh và cách tiếp cận mới vào cơ sở lý thuyết về hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh: (i) Khái niệm, mục tiêu, phương thức, nội dung hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh bao gồm: Hỗ trợ tiếp cận các nguồn đầu vào và hỗ trợ mở rộng thị trường đầu ra, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; (ii) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của chính quyền cấp tỉnh đối với DNNVV; (iii) Mô hình lý thuyết đánh giá ảnh hưởng của hỗ trợ đối với hiệu quả hoạt động của DNNVV.

- Xác định những bài học kinh nghiệm cho Hà Nội thông qua nghiên cứu hỗ trợ DNNVV của Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chỉ ra kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong Hỗ trợ DNNVV của chính quyền thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024 thông qua phân tích, đánh giá bằng định tính và định lượng, điều tra xã hội học về thực trạng hỗ trợ DNNVV của chính quyền thành phố Hà Nội.

- Đề xuất quan điểm, định hướng, giải pháp tăng cường hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hội nhập quốc tế, phát triển Hà Nội thành đô thị sáng tạo, xanh, thông minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh từ cách tiếp cận chức năng quản lý.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về chủ thể hỗ trợ: Trong nghiên cứu này, luận án giới hạn chủ thể hỗ trợ là UBND tỉnh thông qua việc sử dụng các biện pháp ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án hỗ trợ DNNVV nhằm chủ trì/phối hợp triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV của Nhà nước trong thẩm quyền được phân cấp.

- Phạm vi về nội dung hỗ trợ:

+ Nghiên cứu các DNNVV đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội và có phát sinh các hoạt động kinh tế tính đến 31/12/2024. Trong

luận án này, DNNVV được tiếp cận theo quy định nêu tại Điều 4, Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 và Nghị định số 19/2018/NĐ-CP hướng dẫn của Chính phủ về thực hiện một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017. Theo đó, tiêu chí phân loại DNNVV bao gồm: Số lượng lao động tham gia BHXH bình quân/năm và đáp ứng một trong hai tiêu chí là tổng nguồn vốn và tổng doanh thu của năm liền kề trước.

+ DNNVV trên địa bàn Hà Nội được nghiên cứu bao quát tất cả các loại hình doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, có phát sinh hoạt động kinh tế tính đến 31/12/2024.

+ Nghiên cứu tập trung vào các công cụ và chương trình hỗ trợ DNNVV do UBND thành phố Hà Nội ban hành và tổ chức thực hiện, bao gồm: (i) Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực đầu vào (Hỗ trợ tiếp cận tín dụng, hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hỗ trợ công nghệ); (ii) Hỗ trợ mở rộng thị trường, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

+ Bối cảnh mới được xác định trong luận án: chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hội nhập quốc tế, thực hiện Bộ tứ trụ cột...

- Phạm vi về không gian: Trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Một số trường hợp so sánh, đối chiếu sẽ được tham khảo từ các địa phương khác trong nước (chỉ mang tính tham khảo, bổ sung kinh nghiệm).

- Phạm vi về thời gian:

+ Phân tích thực trạng hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2018 - 2024, trong đó nhấn mạnh giai đoạn từ 2021 (khi Việt Nam bước vào bối cảnh mới: hậu covid -19, hội nhập thế hệ mới, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh).

+ Giải pháp hỗ trợ DNNVV được đề xuất đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Đề tài luận án dựa trên cơ sở lý thuyết dựa trên nguồn lực (RBV), lý thuyết chuỗi giá trị và lý thuyết phát triển doanh nghiệp nhỏ để hệ thống hóa cơ sở lý thuyết và phân tích thực trạng hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp định tính, phương pháp điều tra xã hội học và định lượng để hệ thống hóa cơ sở lý luận và phân tích thực trạng cũng như đề xuất giải pháp tăng cường hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới. Cụ thể:

- Phương pháp định tính:

Sử dụng phương pháp hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích, so sánh để tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh; hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn, đánh giá thực trạng về hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội, chỉ ra thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.

Sử dụng phương pháp phân tích để dự báo tác động của bối cảnh mới (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hội nhập sâu vào chuỗi giá trị...) và gợi ý giải pháp tăng cường hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới.

- Phương pháp điều tra xã hội học:

Đối tượng khảo sát: DNNVV trên địa bàn Quận Hoàn Kiếm (cũ), quận Nam Từ Liêm (cũ) và Huyện Đông Anh (cũ)

Quy mô khảo sát mà luận án lựa chọn: 900 DNNVV.

Nội dung khảo sát: Tính kịp thời, tính cập nhật, tính hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ DNNVV của chính quyền thành phố Hà Nội.

- Phương pháp định lượng: thông qua mô hình hồi quy đánh giá ảnh hưởng của hỗ trợ của chính quyền cấp tỉnh đến hiệu quả hoạt động của DNNVV

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Đóng góp mới về học thuật, lý luận

- Về cách tiếp cận: Tiếp cận hỗ trợ trên nền tảng lý thuyết quản lý kinh tế truyền thống (hoạt động của chủ thể quản lý), với lý thuyết dựa trên nguồn lực (hỗ trợ về nguồn lực và hỗ trợ để chuyển hóa nguồn lực của DNNVV, tập trung vào xanh, số) và lý thuyết chuỗi giá trị (chính quyền hỗ trợ chuyển đổi số, tăng tiếp cận tín dụng và xúc tiến thương mại, kết nối với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp

FDI...giúp DNNVV tham gia vào các khâu cao hơn trong chuỗi giá trị), là nền tảng để đề xuất khung lý luận cho luận án.

- *Về phương pháp*: áp dụng phương pháp hồi quy logit để xác định xác suất ảnh hưởng của các hoạt động hỗ trợ đến hiệu quả hoạt động của DNNVV thông qua tổ hợp 3 chỉ số (gia tăng quy mô vốn, tiết kiệm chi phí và mở rộng quy mô thị trường).

- *Về nội dung*: luận án bổ sung cơ sở lý luận về hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh trên các nội dung: (i) Mở rộng khái niệm nguồn lực đầu vào, gồm vốn xanh, tài chính số, dữ liệu số; mở rộng thị trường: từ thị trường truyền thống sang thương mại điện tử, marketing số; (ii) Điều chỉnh nội dung hỗ trợ truyền thống sang hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tài chính, công nghệ xanh theo ngành nghề và nhu cầu riêng biệt của từng nhóm DNNVV; (iii) Chuyển từ phương thức hỗ trợ trực tiếp sang tạo hệ sinh thái hỗ trợ áp dụng nền tảng số, chính phủ số; (iv) Thay đổi cách tiếp cận hỗ trợ từ chỗ xem DNNVV là đối tượng yếu thế sang xem DNNVV là động lực đổi mới; chuyển từ hỗ trợ cào bằng sang hỗ trợ có trọng tâm; (v) Đổi mới công cụ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ qua Quỹ đổi mới, sandbox.

Khung lý luận này góp phần khắc phục hạn chế của các nghiên cứu trước đó là hỗ trợ theo các nội dung riêng rẽ, chưa bám sát nhu cầu của DNNVV, chưa làm nổi bật được những tác động của bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu... đến hỗ trợ DNNVV.

5.2. Đóng góp mới về thực tiễn

Những phát hiện, kết luận và đóng góp mới về thực tiễn thể hiện: (i) Các biện pháp hỗ trợ của chính quyền thành phố Hà Nội kịp thời, hiệu quả, đảm bảo tính liên tục qua các năm, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNVV; (ii) Có mối quan hệ thuận chiều có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố hỗ trợ và hiệu quả kinh doanh của DNNVV, hỗ trợ tín dụng có tác động mạnh nhất, giải thích 50% phương sai trong kết quả kinh doanh; (iii) Có sự thay đổi về quan điểm, cách tiếp cận theo hướng có sự linh hoạt trong thiết kế và triển khai chính sách xuất phát từ thực tiễn và nhu cầu của các DNNVV trên

địa bàn; (iv) Vẫn còn khoảng cách giữa nhu cầu của DNNVV với mức độ hỗ trợ từ chính quyền thành phố Hà Nội. Các kết luận được rút ra trên cơ sở phân tích thực trạng Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội được đặt trong bối cảnh mới, dựa trên dữ liệu khảo sát 900 DNNVV và dữ liệu thứ cấp theo chuỗi thời gian từ 2018-2024.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần mở rộng khung nghiên cứu về hỗ trợ DNNVV theo hướng gắn với số hóa, xanh hóa và hội nhập vào chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Với cách tiếp cận phân tích hỗ trợ đầu vào và hỗ trợ đầu ra, những nghiên cứu của luận án có thể giúp chính quyền Thành phố Hà Nội dễ dàng thiết kế, điều chỉnh các chương trình hỗ trợ, đồng thời phân bổ nguồn lực một cách hợp lý hơn, toàn diện hơn.

Các phát hiện từ luận án có thể giúp DNNVV nhận diện rõ hơn cơ hội, thách thức trong bối cảnh mới để lựa chọn chiến lược chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và tham gia chuỗi liên kết, từ đó nâng cao sức cạnh tranh.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu luận án gồm 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Nghiên cứu về vai trò và thách thức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Các nghiên cứu tiếp cận vai trò và thách thức của DNNVV khẳng định rằng, DNNVV có vai trò to lớn đối với tăng trưởng, phát

triển kinh tế, tạo việc làm và góp phần thực hiện an sinh xã hội. Song, cũng tồn tại nhiều thách thức trong tiếp cận nguồn lực đầu vào như vốn, đất đai và khoa học công nghệ và khó khăn trong mở rộng thị trường đầu ra. Vì thế, để giải quyết điểm nghẽn đó rất cần vai trò của Nhà nước.

1.1.2. Các nghiên cứu về vai trò của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hầu hết các nghiên cứu đều chung quan điểm, Nhà nước có vai trò to lớn đối với các DNNVV thông qua việc ban hành và thực thi các chính sách, biện pháp hỗ trợ DNNVV.

1.1.3. Các nghiên cứu về hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hỗ trợ của Nhà nước đối với DNNVV thường tập trung vào tất cả các hoạt động hỗ trợ theo các khâu trong quy trình sản xuất kinh doanh của DNNVV, bao gồm hỗ trợ tiếp cận tài chính, hỗ trợ tiếp cận đất đai, hỗ trợ đầu tư chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường.

1.1.4. Các nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước khi tiếp cận các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ DNNVV đều khẳng định rằng, hỗ trợ chịu ảnh hưởng của các nhóm nhân tố khách quan và chủ quan như mức độ ứng dụng công nghệ, mức độ hoàn thiện của cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật hoặc các nhân tố thuộc về DNNVV như mức độ tuân thủ pháp luật.

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1.2.1. Những nội dung đạt được, có tính kế thừa

Với 4 lát cắt liên quan đến hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh, đều cho thấy rằng, các công trình nghiên cứu về hỗ trợ DNNVV cũng gặp nhau/thống nhất ở cách tiếp cận, nội dung và phương pháp:

Về cách tiếp cận:

- Hỗ trợ DNNVV tiếp cận từ nhiều chuyên ngành khác nhau.
- Tiếp cận từ chuyên ngành Quản lý kinh tế thường lựa chọn theo nội dung Hỗ trợ của Chính phủ, hoặc Chính quyền địa phương được quy định trong Luật Hỗ trợ DNNVV.

- Các nghiên cứu trước đây về Hỗ trợ DNNVV ở Hà Nội thường tiếp cận theo chính sách riêng rẽ hoặc theo các lĩnh vực cụ thể như: hỗ trợ tín dụng, đất đai, ưu đãi thuế, hoặc đi sâu vào hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và xúc tiến thương mại.

- Các công trình nghiên cứu đã góp phần làm rõ: (i) Vai trò quan trọng của DNNVV cũng như những điểm yếu, qua đó khẳng định tính tất yếu hỗ trợ để nâng cao năng lực; (ii) Phân tích chính sách hỗ trợ qua đó chỉ ra các tác động tích cực đến năng lực cạnh tranh của DNNVV; (iii) Một số nghiên cứu đã bước đầu tiếp cận yếu tố hội nhập quốc tế, liên kết chuỗi; (iv) Một số nghiên cứu làm rõ quản lý của Nhà nước đối với DNNVV và các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với DNNVV đặc biệt trong bối cảnh tác động của Covid -19, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

Về phương pháp:

+ Phương pháp định tính: Thường sử dụng tổng hợp các phương pháp định tính như phương pháp tổng hợp, so sánh, phân tích, phương pháp dự báo.

+ Phương pháp khảo sát trên cơ sở phiếu hỏi và phỏng vấn sâu sử dụng trong thu thập thông tin về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp theo loại hình.

+ Phương pháp định lượng đánh giá tác động của chính sách tài chính đến hiệu quả hoạt động của DNNVV; hoặc các yếu tố ảnh hưởng đến hỗ trợ DNNVV; hoặc Ảnh hưởng của hỗ trợ của Nhà nước đến mức độ nộp thuế của DNNVV...

1.2.2. Những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ

Về lý luận:

Thiếu khung tiếp cận tổng thể: Các nghiên cứu chủ yếu rời rạc theo lĩnh vực, chưa hình thành khung phân tích mang tính hệ thống dựa trên phân nhóm theo hai trục cơ bản, gắn với các khâu trong quy trình sản xuất kinh doanh của DNNVV là hỗ trợ tiếp cận nguồn lực đầu vào và hỗ trợ mở rộng thị trường, tham gia chuỗi liên kết, chuỗi giá trị.

Chưa gắn với bối cảnh mới: Ít nghiên cứu đề cập trực tiếp đến yêu cầu của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu đối với chính sách hỗ trợ.

Thiếu các nghiên cứu hệ thống tiêu chí đánh giá hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh gắn với các mục tiêu đặt ra.

Về thực tiễn:

Thiếu phân tích so sánh và dự báo: Các nghiên cứu mới dừng ở mô tả chính sách hiện hành, chưa đánh giá sâu những khoảng trống, chưa dự báo xu hướng và yêu cầu chính sách mới cho Hà Nội trong bối cảnh hậu covid -19 và chuyển đổi kép.

Thiếu các nghiên cứu làm rõ vai trò của chính quyền thành phố Hà Nội trong việc kiến tạo “hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp”, kết nối DNNVV với các Viện nghiên cứu - Trường - FDI và thị trường quốc tế.

Thiếu vắng nghiên cứu định lượng đánh giá tác động hỗ trợ của chính quyền cấp tỉnh đến hiệu quả hoạt động của DNNVV (theo các tiêu chí: mở rộng quy mô vốn, giảm chi phí và mở rộng quy mô thị trường đầu ra).

Những khoảng trống này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho việc tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận cũng như thực tiễn về hỗ trợ DNNVV trong bối cảnh mới.

1.3. CÁCH TIẾP CẬN MỚI CỦA LUẬN ÁN

- Luận án lựa chọn cách tiếp cận hệ thống và tiếp cận bối cảnh: nghĩa là coi hoạt động hỗ trợ như một hệ thống gồm nhiều thành tố (chính sách, công cụ, chủ thể, đối tượng) trong mối quan hệ tác động lẫn nhau đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, phát triển xanh và phục hồi sau đại dịch.

- Luận án xác định bối cảnh mới (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hội nhập quốc tế và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, sát nhập địa phương, cải cách thể chế, thực hiện “Bộ tứ trụ cột”...) ảnh hưởng đến cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng hỗ trợ DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp. Bối cảnh mới làm thay đổi các nội dung hỗ trợ, tiêu chí đánh giá, cách phân tích nhận định thực trạng và thiết kế chính sách mới, từ “hỗ trợ chung” sang “hỗ trợ có trọng tâm” quanh 3 trục: chuyển đổi số - chuyển đổi xanh và tham gia chuỗi liên kết.

Cơ sở lý luận: Bối cảnh mới làm thay đổi khung lý luận về hỗ trợ DNNVV trên các khía cạnh:

- + Mở rộng khái niệm “nguồn lực đầu vào” của DNNVV (bổ sung vốn xanh, tài chính số, dữ liệu số.... và chuyển từ thị trường truyền thống sang thương mại điện tử, marketing số.

- + Điều chỉnh nội dung hỗ trợ truyền thống (chủ yếu tập trung hỗ trợ tín dụng, mặt bằng sản xuất, nhân lực, mở rộng thị trường truyền thống) sang hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tài chính xanh, công nghệ xanh, kỹ năng quản trị số, thương mại điện tử theo ngành nghề và nhu cầu riêng biệt của từng nhóm DNNVV.

- + Chuyển đổi từ phương thức hỗ trợ trực tiếp với các thủ tục hành chính sang “tạo hệ sinh thái hỗ trợ”: Nhà nước, doanh nghiệp lớn, các tổ chức hỗ trợ cùng tham gia. Đồng thời áp dụng nền tảng số, chính phủ số, khuyến khích mô hình hỗ trợ theo nhu cầu.

- + Thay đổi cách tiếp cận hỗ trợ: chuyển từ việc xem DNNVV là đối tượng yếu thế cần hỗ trợ sang xem DNNVV là động lực đổi mới sáng tạo, chuyển từ hỗ trợ cào bằng sang hỗ trợ có trọng tâm, tập trung khuyến khích các DNNVV đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, đẩy mạnh hợp tác công tư. Đổi mới công cụ chính sách: Từ hỗ trợ chủ yếu thông qua các ưu đãi tài chính, trực tiếp sang hỗ trợ thông qua quỹ đổi mới sáng tạo, sandbox chính sách, chứng chỉ xanh trên nền tảng số.

Về phương diện đánh giá thực trạng:

- + Đánh giá thực trạng hỗ trợ DNNVV từ những tiêu chí mới tiếp cận trên các trụ cột: Tăng cường năng lực số - năng lực xanh và mức độ tham gia liên kết chuỗi giá trị.

- + Tác động đến sự phân hóa DNNVV: DNNVV đã số hóa, tích cực tham gia chuỗi cung ứng, liên kết với FDI và loại hình DNNVV còn hạn chế về vốn, mặt bằng, công nghệ, chưa tham gia liên kết.

Đề xuất giải pháp: Bối cảnh mới ảnh hưởng đến việc thiết kế các chính sách có điều kiện, các giải pháp hỗ trợ không dàn trải mà tập trung theo các gói chính sách: chuyển đổi số căn bản, sản xuất xanh

(mở rộng mức độ tiếp cận tín dụng, bảo lãnh tín dụng, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ hỗ trợ chuyển đổi...), tăng liên kết giữa DNNVV với doanh nghiệp FDI.

- Luận án tiếp cận theo chủ thể hỗ trợ là UBND thành phố Hà Nội theo 02 trục: Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực đầu vào và Hỗ trợ mở rộng thị trường, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

2.1.1. Một số khái niệm liên quan

Doanh nghiệp nhỏ và vừa là những doanh nghiệp có doanh thu, tài sản hoặc số lượng nhân viên dưới một ngưỡng nhất định. Tuy nhiên, mỗi quốc gia có thể quy định mức trần khác nhau cho từng ngành kinh tế để xác định thể nào là DNNVV trong các ngành. Ba thông số chính thường được áp dụng để định nghĩa DNNVV là: (a) Số lượng lao động; (b) Doanh thu bình quân hàng năm; và (c) Giá trị tài sản của doanh nghiệp.

2.1.2. Phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa

Phân loại DNNVV theo quy mô lao động bình quân/năm và đáp ứng một trong hai tiêu chí tổng tài sản hoặc tổng doanh thu.

Phân loại DNNVV theo khu vực kinh tế.

Phân loại DNNVV theo hình thức sở hữu vốn.

Phân loại DNNVV theo mức độ đổi mới sáng tạo.

2.1.3. Lợi thế và bất lợi thế của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Lợi thế của DNNVV: Linh hoạt, dễ lựa chọn ngành nghề, tính sáng tạo cao và có khả năng tối ưu hóa sản xuất

Bất lợi thế của DNNVV: Gặp khó khăn trong tiếp cận nguồn lực đầu vào, khó khăn trong mở rộng thị trường, hạn chế khả năng tham gia chuỗi cung ứng và liên kết với các DN lớn trong nước, DN FDI.

2.2. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

2.2.1. Khái niệm về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Hỗ trợ DNNVV trong bối cảnh mới có thể hiểu là tổng thể các chính sách, công cụ và hoạt động do chính quyền địa phương chủ trì hoặc phối hợp triển khai nhằm trợ giúp thêm, tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV tiếp cận các nguồn lực đầu vào (tài chính, mặt bằng sản xuất, công nghệ...) và mở rộng đầu ra (thị trường, liên kết chuỗi...) từ đó thúc đẩy các DNNVV phát triển về quy mô sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng đổi mới và cải thiện khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

2.2.2. Mục tiêu, nguyên tắc và các phương thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của chính quyền cấp tỉnh

2.2.2.1. Mục tiêu

- Hỗ trợ DNNVV nhằm giúp DNNVV khắc phục những khó khăn, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lực đầu vào để cải thiện khả năng kinh doanh, khai thác tốt hơn lợi thế so sánh, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Hỗ trợ DNNVV nhằm tăng hiệu quả hoạt động của các DNNVV, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN, giúp các DN phát huy vai trò của mình đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế, tạo việc làm, đáp ứng các yêu cầu về chuyển đổi số.

- Hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh nhằm thúc đẩy các DNNVV chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

- Hỗ trợ DNNVV trong bối cảnh hội nhập quốc tế hướng đến nâng cao khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường, tham gia vào các chuỗi liên kết, tận dụng được các cơ hội để phát triển.

- Hỗ trợ DNNVV nhằm mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh và xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ.

2.2.2.2. Nguyên tắc

- Nguyên tắc hiệu quả - bền vững.

- Nguyên tắc công bằng - minh bạch.

- Nguyên tắc đồng hành - kiến tạo.
- Nguyên tắc trọng tâm.
- Nguyên tắc đa dạng hóa nguồn lực.

2.2.2.3. Phương thức hỗ trợ

- Phương thức hỗ trợ trực tiếp.
- Phương thức hỗ trợ gián tiếp thông qua hoàn thiện thể chế.
- Phương thức kết hợp

2.2.3. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của chính quyền cấp tỉnh

2.2.3.1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn lực đầu vào

Sự phân bổ nguồn lực không hiệu quả của thị trường tự do dẫn đến các DNNVV (vốn dĩ yếu thế hơn so với các DN lớn) khó cạnh tranh trong tiếp cận nguồn lực tài chính, công nghệ, thông tin, đòi hỏi sự hỗ trợ của Nhà nước trong cung cấp các khoản tín dụng với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ tiếp cận tín dụng xanh, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ chuyển đổi số và cải thiện hạ tầng thông tin, cải cách thể chế.

Hỗ trợ DNNVV tiếp cận nguồn lực đầu vào là các biện pháp, cách thức chính quyền cấp tỉnh tiến hành để tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận nguồn tín dụng, mặt bằng sản xuất, nhân lực và công nghệ mức lãi suất ưu đãi nhằm giúp các DN mở rộng nguồn lực để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bao gồm:

- Hỗ trợ tiếp cận tín dụng.
- Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất.
- Hỗ trợ tiếp cận công nghệ.

2.2.3.2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mở rộng thị trường, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Hỗ trợ mở rộng thị trường, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị có thể hiểu là việc chính quyền cấp tỉnh tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ giới thiệu sản phẩm, hay thông qua thành lập chuỗi phân phối sản phẩm, hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ nâng cao

năng lực liên kết, hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường để tạo điều kiện cho các DNNVV tham gia thị trường, tìm kiếm các đối tác. Hay nói cách khác, hỗ trợ đầu ra là tổng hợp các chính sách/công cụ của chính quyền cấp tỉnh nhằm giúp DNNVV tiếp cận - mở rộng thị trường và tham gia sâu vào chuỗi liên kết ngành, chuỗi giá trị.

2.2.4. Tiêu chí đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của chính quyền cấp tỉnh

Nhóm tiêu chí đánh giá thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của DNNVV.

Nhóm tiêu chí đánh giá mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số của các DNNVV.

Nhóm tiêu chí đánh giá mục tiêu thúc đẩy các DNNVV chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.

Nhóm tiêu chí đánh giá mục tiêu DNNVV mở rộng thị trường

Nhóm tiêu chí đánh giá mục tiêu DNNVV tham gia chuỗi giá trị và liên kết ngành.

Nhóm tiêu chí đánh giá mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh, phát huy vai trò của DNNVV đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế địa phương.

Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả của chính sách, thể chế hỗ trợ thông qua điều tra xã hội học.

2.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của chính quyền cấp tỉnh

Nhóm nhân tố chủ quan bao gồm: Bộ máy quản lý, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, khả năng huy động nguồn lực, định hướng phát triển.

Nhóm nhân tố khách quan bao gồm: Sự hoàn thiện của cơ chế, chính sách liên quan đến hỗ trợ DNNVV; Các nhân tố thuộc về DNNVV; Môi trường kinh tế, trình độ phát triển kinh tế địa phương và thị trường.

2.3. KINH NGHIỆM HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.3.1. Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh

- Lý do lựa chọn Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh để nghiên cứu kinh nghiệm

- Kinh nghiệm hỗ trợ DNNVV

2.3.2. Bài học rút ra đối với Thành phố Hà Nội

Chương 3

THỰC TRẠNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GIAI ĐOẠN 2018 - 2024

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024

Với vị thế là thủ đô của nước CHXHCN Việt Nam, đô thị phát triển bậc nhất của cả nước, là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa và giáo dục lớn của cả nước. Hà Nội có vị trí địa lý thuận lợi, là cực tăng trưởng là đầu tàu tăng trưởng kinh tế, hạt nhân phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng với mạng lưới giao thông, logistics, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và dịch vụ tài chính. Trong khoảng nhiều năm trở lại đây (giai đoạn 2018-2024), Hà Nội có tốc độ TTKT bình quân khá cao đạt 6,8%, quy mô GRDP năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt khoảng 1.426 nghìn tỷ đồng, xấp xỉ 58 tỷ USD [11], lớn thứ hai cả nước sau Thành phố Hồ Chí Minh. Với mục tiêu phát triển Hà Nội thành đô thị năng động, xanh và thông minh, Hà Nội là nơi tập trung số lượng DNNVV lớn, chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ cho các khu công nghiệp.

3.1.2. Đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa và yêu cầu hỗ trợ

3.1.2.1. Đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024

Tính đến ngày 31/12/2024, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 402.547 doanh nghiệp đang hoạt động (lũy kế từ 1992 đến 2024), trong đó, DNNVV chiếm khoảng 98,4% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động (khoảng 396.106 doanh nghiệp) và tập trung chủ yếu ở các ngành thương mại dịch vụ cần ít vốn đầu tư, chuyển đổi nhanh. Đây cũng là điểm đặc thù của doanh nghiệp Hà Nội. Tuy nhiên, phần lớn vẫn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, vốn, quản trị và năng lực tiếp cận chuỗi giá trị còn hạn chế. Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội hoạt động ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, song tập trung mạnh ở ngành truyền thống và thương mại dịch vụ, chế biến nhỏ, thủ công, xây dựng, logistics... Nhiều ngành có năng suất thấp, chưa tạo thành chuỗi khép kín. Năng lực quản trị và công nghệ còn yếu - chuyển dịch số chưa đồng đều. Hạn chế về vốn và khó tiếp cận tài chính cho đổi mới công nghệ. Khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn thấp do thiếu tiêu chuẩn và chứng nhận.

3.1.2.2. Yêu cầu hỗ trợ từ Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

Hà Nội cần thiết kế gói tài chính chuyên biệt cho chuyển đổi số và chuyển đổi xanh thông qua công cụ như: quỹ tín dụng xanh cấp thành phố, bảo lãnh tín dụng cho dự án số hóa/ xanh, bù lãi suất, voucher hỗ trợ chứng nhận; xây dựng hạ tầng số: nền tảng kết nối doanh nghiệp như nền tảng TMĐT cho DNNVV. Hỗ trợ tiêu chuẩn hóa, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc số. Bởi vì, để vào chuỗi giá trị toàn cầu, DNNVV cần chứng minh tiêu chuẩn chất lượng và bền vững. Kết nối nhà thu mua lớn/đại lý và phát triển cụm ngành xanh do DNNVV khó tự tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu nếu không có đầu mối lớn kéo (tập đoàn, FDI) và cơ chế liên kết cụm ngành.

3.2. THỰC TRẠNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2018-2024

3.2.1. Bối cảnh hỗ trợ và đặc trưng trong triển khai các hoạt động hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024

3.2.1.1. Bối cảnh triển khai Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2018-2024

Trong giai đoạn 2018 - 2024, Hà Nội triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV trên nền tảng các quy định pháp lý quốc gia và yêu cầu phát triển mới.

Giai đoạn 2018 - 2020: các chính sách chủ yếu tập trung vào hỗ trợ truyền thống: cải cách thủ tục hành chính, tiếp cận tín dụng, hỗ trợ mặt bằng, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại. Khi đại dịch COVID-19 bùng phát, Thành phố triển khai các gói hỗ trợ khẩn cấp, chủ yếu là tín dụng ưu đãi, gia hạn nộp thuế và giảm phí để giúp DNNVV duy trì sản xuất, việc làm.

Giai đoạn 2021 - 2024: Hà Nội định hướng mạnh mẽ hơn theo hai xu thế lớn: chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

3.2.1.2. Những đặc trưng trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024

Một là: Đa dạng các chủ thể tham gia hỗ trợ, trong đó UBND Thành phố chủ trì, các Sở Ban ngành là chủ thể thực hiện; các NHTM, các quỹ phát triển DNNVV, các Hiệp hội doanh nghiệp tham gia.

Hai là: Căn cứ pháp lý cho hoạt động hỗ trợ dựa vào các chính sách của Nhà nước đồng thời xây dựng kế hoạch hỗ trợ phù hợp với mục tiêu đặt ra trong từng thời kỳ.

Ba là: Hỗ trợ DNNVV của chính quyền thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024 theo hướng “phát triển có chọn lọc”, chú trọng hỗ trợ các DNNVV đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Bốn là: Huy động tối đa các nguồn lực nhằm mở rộng quy mô, đối tượng, lĩnh vực hỗ trợ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hỗ trợ các DNNVV.

3.2.2. Thực trạng Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024

3.2.2.1. Thực trạng Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn lực đầu vào giai đoạn 2018 - 2024

Hỗ trợ của UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024 được thực hiện thông qua nhiều hình thức, bao gồm hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt, ưu đãi về lãi suất, miễn giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, miễn thuế thu nhập đối với các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

3.2.2.2. Thực trạng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mở rộng thị trường, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị giai đoạn 2018 - 2024

Giai đoạn 2018 - 2024, chính quyền thành phố Hà Nội đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ DNNVV mở rộng thị trường, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị với nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau nhằm tạo môi trường thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành thông qua việc hình thành các khu công nghiệp để thu hút các DNNVV tham gia cung cấp các nguyên vật liệu đầu vào cho các doanh nghiệp lớn trong nước và doanh nghiệp FDI. Các biện pháp thúc đẩy DNNVV tham gia chuỗi giá trị được tập trung vào các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.3.1. Những kết quả đạt được trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2018-2024 qua khảo sát bằng phiếu hỏi và mô hình hồi quy

Các chính sách, biện pháp hỗ trợ của UBND thành phố Hà Nội đối với DNNVV đã kịp thời, liên tục, hiệu quả chưa? Để trả lời câu hỏi này, nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học với bảng hỏi bán cấu trúc với nhóm đối tượng thụ hưởng là các DNNVV trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quy mô mẫu: Số phiếu thu về và xử lý được là: 873/900 mẫu phát ra, trong đó: Hoàn Kiếm: 286 doanh nghiệp; Quận Nam Từ Liêm: 290 doanh nghiệp và Huyện Đông Anh là 297 doanh nghiệp.

3.3.1.3. Thảo luận về kết quả của các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội thời gian qua

(1) Nhiều chính sách hỗ trợ được triển khai tại Hà Nội đã chứng minh được hiệu quả trong việc giúp doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực đầu vào quan trọng và mở rộng thị trường đầu ra, đặc biệt là trong thời kỳ đại dịch Covid-19.

(2) Mô hình lượng hóa tác động khẳng định mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa các yếu tố hỗ trợ và hiệu suất kinh doanh. Hỗ trợ tín dụng thể hiện tác động mạnh nhất, giải thích 50% phương sai trong kết quả kinh doanh, tiếp theo là hỗ trợ công nghệ và mở rộng thị trường và hỗ trợ tham gia chuỗi cung ứng.

(3) Bên cạnh kết quả điều tra xã hội học, các báo cáo về tình hình thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Kế hoạch Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025 cũng cho thấy, sau hơn 4 năm triển khai Hỗ trợ DNNVV, đã có sự thay đổi về quan điểm, cách tiếp cận theo hướng có sự linh hoạt trong thiết kế và triển khai chính sách xuất phát từ thực tiễn và nhu cầu của các DNNVV trên địa bàn.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024

3.3.2.1. Hạn chế trong hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2024

- Mức độ hỗ trợ còn thấp so với nhu cầu của các DNNVV kể cả trong tiếp cận nguồn lực đầu vào và trong hỗ trợ mở rộng thị trường đầu ra.

- Chất lượng hỗ trợ chưa đồng đều giữa các biện pháp hỗ trợ, chưa duy trì được tính liên tục, kịp thời trong hỗ trợ.

- Tỷ lệ doanh nghiệp được tiếp cận các chính sách hỗ trợ ít, chưa thực sự tháo gỡ được các khó khăn của các DNNVV trong tiếp cận nguồn lực đầu vào và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ của chính quyền thành phố Hà Nội đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo còn thấp, các kênh thu hút đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của Hà Nội còn ít.

- Cơ cấu loại hình hỗ trợ quy định trong Luật và triển khai trên thực tiễn chưa điều chỉnh linh hoạt phù hợp yêu cầu của bối cảnh mới, chưa tập trung vào hỗ trợ phát triển năng lực sản xuất.

- Hầu hết các mục tiêu đặt ra trong Kế hoạch hỗ trợ DNNVV trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2021-2025 đều không hoàn thành.

3.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Nhóm nguyên nhân khách quan

- Chính sách của Nhà nước điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp và hỗ trợ DNNVV vẫn còn chồng chéo.

- Biến động của thị trường, đại dịch Covid - 19 và ảnh hưởng của cơn bão số 3.

- Thủ tục để các DNNVV tiếp cận được các chính sách hỗ trợ còn rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho các DNNVV

- Năng lực của các DNNVV thấp.

Nhóm nguyên nhân chủ quan

- Năng lực của bộ máy quản lý chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

- Mức độ ứng dụng công nghệ trong quản lý chưa cao.

- Khả năng huy động các nguồn lực nhằm hỗ trợ DNNVV còn khoảng cách khá xa so với nhu cầu.

- Thiếu sự ưu tiên hỗ trợ DNNVV trong định hướng phát triển kinh tế, xã hội nói chung và hỗ trợ DNNVV nói riêng.

- Thủ tục hành chính còn phức tạp.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1. BỐI CẢNH MỚI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.1.1. Bối cảnh trong và ngoài nước

4.1.2. Phương hướng, quan điểm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của chính quyền thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới

- Phương hướng.

- Quan điểm.

4.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH MỚI

- 4.2.1. Nhóm giải pháp cải cách môi trường kinh doanh**
- 4.2.2. Nhóm giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn lực đầu vào trên địa bàn thành phố Hà Nội**
- 4.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mở rộng thị trường**
- 4.2.4. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội**
- 4.2.5. Giải pháp tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng Đồng bằng Sông Hồng**
- 4.2.6. Tăng cường truyền thông chính sách cho doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả chính sách**
- 4.2.7. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả từ phía doanh nghiệp**
- 4.3. KIẾN NGHỊ**
 - 4.3.1. Kiến nghị đối với Quốc hội**
 - 4.3.2. Kiến nghị đối với Chính phủ và Bộ/ngành liên quan**
 - 4.3.3. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước**

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hỗ trợ DNNVV của chính quyền thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2024, phân tích bối cảnh mới và đề xuất giải pháp, luận án rút ra một số kết luận sau đây:

1. Về lý luận

- Luận án đã hệ thống hóa và làm rõ khái niệm, đặc trưng và vai trò của DNNVV trong nền kinh tế đô thị lớn, nhấn mạnh tính linh hoạt, đổi mới theo nhu cầu thị trường; Vai trò lan tỏa tạo việc làm, gia tăng thu nhập và tính dễ tổn thương trong chuỗi cung ứng.
- Luận án làm rõ khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung cũng như nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ DNNVV của chính quyền cấp tỉnh.

- Bổ sung luận điểm về biện pháp hỗ trợ dựa trên rủi ro (risk-based): hỗ trợ cần phân tầng theo mức độ sẵn sàng công nghệ hoặc liên kết chuỗi thay vì hỗ trợ dàn trải theo quy mô doanh thu hay tuổi đời doanh nghiệp.

2. Về thực tiễn

- Kinh nghiệm hỗ trợ DNNVV của Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh đều cho thấy, việc hỗ trợ được dựa trên cơ chế, chính sách của Nhà nước, và một số quy định đặc thù của địa phương, trong đó phạm vi hỗ trợ, phương thức hỗ trợ có thể thay đổi phụ thuộc vào mục tiêu đặt ra trong từng thời kỳ. Song song với các chính sách hỗ trợ, cần tăng cường truyền thông chính sách và nâng cao nhận thức về các chính sách hỗ trợ cho các DNNVV.

- Với các điều kiện tốt về hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ trong sản xuất kinh doanh và thị trường tiêu dùng lớn, Hà Nội là nơi tập trung số lượng lớn các DNNVV khởi nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và thương mại, dịch vụ. Song, các DNNVV Hà Nội vẫn hạn chế về năng lực quản trị - tài chính; thiếu lao động kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng số; khó tiếp cận đất đai, không gian sản xuất – logistics đô thị; mức độ số hóa không đồng đều và liên kết chuỗi còn lỏng lẻo.

- Với cơ sở số liệu thứ cấp trong giai đoạn 2018-2024 và số liệu sơ cấp thông qua điều tra khảo sát 900 DNNVV tập trung trên 3 địa bàn: Quận Nam Từ Liêm, Quận Hoàn Kiếm và Huyện Đông Anh (cũ), cho thấy rằng, trong giai đoạn 2018-2024, UBND Thành phố Hà Nội đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ DNNVV như hỗ trợ tiếp cận tín dụng ưu đãi, hỗ trợ khởi nghiệp, chuyển đổi số cơ bản, kết nối thị trường... và đã đạt được nhiều thành công góp phần tháo gỡ khó khăn do đại dịch Covid - 19, nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNVV. Mô hình lượng hóa tác động của các biện pháp hỗ trợ đến hiệu quả hoạt động của DNNVV cũng khẳng định, hỗ trợ tiếp cận tín dụng, hỗ trợ tiếp cận công nghệ, chuyển đổi số và hỗ trợ mở rộng đầu ra có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả DNNVV. Tuy nhiên, số lượng

DNNVV tiếp cận được chính sách hỗ trợ còn thấp, mới chỉ đạt 1%. Có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến hạn chế trong hỗ trợ DNNVV.

3. Về kiến nghị chính sách tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh mới

- Bối cảnh mới (chuyển đổi số, tiêu chuẩn xanh, thương mại điện tử xuyên biên giới, yêu cầu truy xuất nguồn gốc, thực hiện Bộ tứ trụ cột...) doanh nghiệp nào có mức độ sẵn sàng về công nghệ, nhân lực và tiếp cận vốn hiệu quả, có vị trí cao trong chuỗi giá trị sẽ vượt trội hơn so với các doanh nghiệp khác.

- Với việc tháo gỡ thể chế, đưa kinh tế tư nhân trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế (NQ 68), thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (NQ 57), và các bối cảnh quốc tế khác đặt ra các yêu cầu cần tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ từ chính quyền thành phố Hà Nội và các chủ thể liên quan Nguyên tắc triển khai các giải pháp hỗ trợ là phân tầng, mô hình bậc thang trong hỗ trợ, chuyển hỗ trợ từ hỗ trợ tiếp cận nguồn lực đơn thuần sang nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị, từ đó nâng năng suất, mở rộng thị trường, gia tăng nội địa hóa giá trị và sức chống chịu của khu vực DNNVV trong bối cảnh mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đinh Vũ Minh (2023), "Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội", *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 1 tháng 08/2023.
2. Đinh Vũ Minh (2023), "Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Trung Quốc - kinh nghiệm đối với Việt Nam", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, đăng ngày 21/12/2023.
3. Đinh Vũ Minh (2024), "Liên kết doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội", *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 01 tháng 06/2024.
4. Đinh Vũ Minh (2024), "Giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, Số 20 tháng 10/2024.
5. Đinh Vũ Minh (2025), "Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học đối với TP. Hà Nội", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, đăng ngày 15/02/2025.
6. Đinh Vũ Minh, Nguyễn Thị Thu Cúc (2025), "Examining the effectiveness of support systems for small and medium enterprises in Hanoi city: A sociological investigation", *South Asian Journal of Operation and Logistics*, 2025 Vol.4, No.1, pp. 24-37.